TÒA ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ DUYÊN HẢI** **TỈNH TRÀ VINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 09/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 19-5-2022
"V/v tranh chấp ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ DUYÊN HẢI, TỈNH TRÀ VINH

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hữu Tài
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Hà Văn Quen
Ông Trần Văn Nước

- ***Thư ký phiên tòa***: Ông Nguyễn Vĩnh Lâm - Thẩm tra viên Tòa án nhân dân thị xã Duyên Hải, tỉnh Trà Vinh.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Duyên Hải, tỉnh Trà Vinh tham gia phiên tòa***: Bà Kiên Thị Diệu Hiền - Kiểm sát viên.

Trong ngày 19 tháng 5 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Duyên Hải xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 11/2022/TLST-HNGĐ, ngày 24 tháng 01 năm 2022 về "Tranh chấp ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 19/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 14 tháng 4 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 41/2022/QĐST-HNGĐ ngày 29 tháng 4 năm 2022, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị B, sinh năm 1973. Địa chỉ: Ấp B, xã T, thị xã D, tỉnh Trà Vinh. (có mặt)

- Bị đơn: Ông Trần Văn H, sinh năm 1964. Địa chỉ: Ấp B, xã T, thị xã D, tỉnh Trà Vinh. (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 13/01/2022 và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn Nguyễn Thị B trình bày: Bà và ông Trần Văn H tự nguyện xác lập quan hệ hôn nhân vào năm 1991 và có đăng ký kết hôn tại UBND xã T. Vợ chồng sống vui vẻ, hạnh phúc đến năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do ông H thường xuyên uống rượu về nhà kiếm chuyện chửi và đánh bà, bà đã nhiều lần khuyên can và tha thứ nhưng ông H vẫn không thay đổi, tại biên bản lấy lời khai ngày 15/02/2022 bà B còn

trình bày, nguyên nhân bà muốn ly hôn là vì ở với ông H không nổi, ông H là người ghiền rượu, ngày nào cũng nhậu nhẹt và thường xuyên đánh đập bà, lần gần đây nhất là ngày 27/12/2021 (âm lịch) ông H còn cầm dao rượt đuổi bà. Hiện nay bà đang ở nhờ nhà người em vì không dám ở chung nhà với ông H. Nay mâu thuẫn vợ chồng đã nghiêm trọng nên bà khởi kiện yêu cầu ly hôn với ông Trần Văn H, về tài sản chung thì không yêu cầu giải quyết, nợ chung thì không có. Về con chung thì vợ chồng có với nhau hai người con là Trần Thị G1, sinh năm 1992 và Trần Văn G2, sinh năm 1995, cả hai hiện nay đã trưởng thành và đã lập gia đình nên không yêu cầu giải quyết.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 23/02/2022 ông Trần Văn H trình bày: Ông không đồng ý ly hôn với bà Nguyễn Thị B vì vẫn còn thương vợ, còn giải quyết như thế nào là quyền của Tòa án. Về mâu thuẫn thì ông cho rằng bà Nguyễn Thị B có quen với người đàn ông khác bên ngoài, ông đã 04 lần bắt quả tang nhưng vẫn bỏ qua. Ông H cũng trình bày là trước giờ cũng có đánh bà B 2, 3 bạt tay, về tài sản chung thì trước đây cũng có nhưng giờ đã bán hết rồi, nợ chung thì không có.

Ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Duyên Hải tại phiên tòa: Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý vụ án đến phiên tòa sơ thẩm của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Về nội dung vụ án, xét thấy tình trạng hôn nhân giữa bà Nguyễn Thị B và ông Trần Văn H đã xảy ra nhiều mâu thuẫn, mục đích hôn nhân không đạt được, do đó yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn có căn cứ nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận. Về con chung, tài sản chung và nợ chung các đương sự không yêu cầu nên không xem xét. Về án phí, bà B phải chịu án phí sơ thẩm theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Xác định đây là tranh chấp ly hôn theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự, bị đơn Trần Văn H cư trú tại ấp B, xã T, thị xã D, tỉnh Trà Vinh nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Duyên Hải theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về tố tụng: Bị đơn được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do, căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[3] Xét yêu cầu xin ly hôn: Bà Nguyễn Thị B và ông Trần Văn H xác lập quan hệ hôn nhân trên cơ sở tự nguyện vào năm 1991 và có đăng ký kết hôn (theo giấy chứng nhận kết hôn số 89, quyển I/2004 ngày 29/10/2004 của Ủy ban nhân dân xã T) nên được xem là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Mặc dù ông Trần Văn H có ý kiến không đồng ý ly hôn, nhưng căn cứ vào lời trình bày của ông H tại biên bản lấy lời khai ngày 23/02/2022, lời trình bày của bà B trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay, cùng với việc hiện này bà B đang sống nhờ nhà người thân nên Hội đồng xét xử có cơ sở khẳng định mâu thuẫn giữa vợ chồng bà B là có thật. Từ khi thụ lý vụ án đến nay bà B vẫn kiên quyết giữ nguyên yêu cầu xin được ly hôn mà không có ý muốn đoàn tụ, chứng tỏ quan hệ hôn nhân đã rạn nứt, mâu thuẫn vợ chồng đã đến mức trầm trọng, không hàn gắn lại được. Do đó, Hội đồng xét xử xem xét cho bà B được ly hôn với ông H cũng là phù hợp theo quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[4] Về con chung: Hiện nay hai người con là Trần Thị G1, sinh năm 1992 và Trần Văn G2, sinh năm 1995 đã trưởng thành, các đương sự không có yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[6] Về án phí: Bà B phải chịu án phí sơ thẩm theo quy định pháp luật.

[7] Xét quan điểm phát biểu của Kiểm sát viên về việc giải quyết nội dung vụ án phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên ghi nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ:

- Khoản 1 Điều 28; các Điều 35, 39, 147, 227 và 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Điều 51 và 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Bà Nguyễn Thị B được ly hôn với ông Trần Văn H.

2. Về con chung, tài sản chung và nợ chung không xem xét giải quyết.

3. Về án phí: Bà Nguyễn Thị B phải chịu 300.000 đồng án phí sơ thẩm, nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng đã nộp tại Chi cục Thi hành án thị xã Duyên Hải, tỉnh Trà Vinh theo biên lai thu tiền số 0008151 ngày 18/01/2022.

4. Quyền kháng cáo bản án: Bà Nguyễn Thị B có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; ông Trần Văn H có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được tống đạt hợp lệ để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Trà Vinh xét xử phúc thẩm.

***Nơi nhận*:**
- TAND tỉnh Trà Vinh;
- VKSND thị xã Duyên Hải;
- Chi cục THADS thị xã Duyên Hải;
- UBND xã T;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Hữu Tài

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN	**THẨM PHÁN** **CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**
Hà Văn Quen	**Trần Văn Nước**
	Nguyễn Hữu Tài